

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 28-8-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI.**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Bùi Đức Cường

+ Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50 /2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX- ST, ngày 28 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 13/8/2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lương Thị C - sinh năm:1991.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - có đơn đề nghị xét xử mặt.

2.Bị đơn: Anh Sơn Văn X - sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ly hôn nhận ngày 12/6/2020 và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Lương Thị C trình bày: Chị và anh Sơn Văn X kết hôn với nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật. Trong quá trình chung sống chị và anh X sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cách làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái. Từ năm 2016 do kinh tế gia đình khó khăn chị C đi làm thuê ở Hà Nội, còn anh X ở nhà thường hay đi uống rượu, giữa chị và anh X đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy cuộc sống chung giữa chị và anh X không có hạnh

phúc, tình cảm không còn, để đảm bảo cuộc sống sau này của chị. Do vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn Văn X.

Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa chị và anh X có 02 con chung. Cháu lớn tên là Sơn Văn T - Sinh ngày 25 tháng 01 năm 2010; cháu nhỏ tên là Sơn Thành Q - Sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh X được nuôi cả hai cháu, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị C không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2020 bị đơn anh Sơn Văn X trình bày: Anh hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của chị C về thời gian sống chung và quá trình chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị C là do từ năm 2013 chị C tự ý bỏ đi Hà Nội làm thuê, thỉnh thoảng mới về nhà nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, chị C chỉ về nhà thăm các con, mua đồ dùng học tập và sinh hoạt hàng ngày cho các con rồi lại bỏ đi, anh đã khuyên chị C về nhà cùng nhau làm ăn nhưng chị C không nghe. Giữa anh và chị C đã sống ly thân mấy năm nay, vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì, anh vẫn còn tình cảm với chị C. Nay chị C làm đơn xin ly hôn anh, anh không nhất trí. Vì khi anh tổ chức cưới chị C về làm vợ thì anh đã phải bỏ ra một khoản tiền để mua lợn, gà, thịt và sinh lễ cưới. Nếu khi nào chị C trả đủ cho anh 80 triệu đồng tiền sinh lễ thì anh sẽ ký vào các biên bản làm việc với Tòa án và mới đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa anh và chị C có 02 con chung. Cháu lớn tên là Sơn Văn T - Sinh ngày 25 tháng 01 năm 2010; cháu nhỏ tên là Sơn Thành Q - Sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012. Nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được nuôi cháu Q, còn chị C nuôi cháu T, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Anh X không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình: chị Lương Thị C được ly hôn với anh Sơn Văn X.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Giao cho chị Lương Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sơn Văn T - Sinh ngày 25 tháng 01 năm 2010, anh Sơn Văn X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sơn Thành Q - Sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn Văn X, giải quyết về tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Anh X có hộ khẩu thường trú tại thôn Nậm Lúc Thượng, xã Nậm Lúc, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Tại phiên tòa hôm nay anh Sơn Văn X vẫn không có mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết. Đối với chị Lương Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị C và anh Sơn Văn X kết hôn với nhau từ năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, ngày 15 tháng 12 năm 2009 anh chị đã đến UBND xã Nậm Lúc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian sống chung anh chị sống hòa thuận hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, chị C đi làm ăn xa nhà, anh X không thông cảm, chia sẻ những khó khăn, chưa thực sự tin tưởng và bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn nhỏ, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị C làm đơn xin ly hôn anh X.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và tiến hành lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh X đã được nhận các văn bản tố tụng, đã đọc lại những nội dung đã khai, nội dung hòa giải, nhưng không ký vào các biên bản của Tòa án, có xác nhận của trưởng thôn và chính quyền địa phương. Qua hòa giải và tại phiên tòa mặc dù chị C vắng mặt nhưng chị có ý kiến vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X. Còn anh X không nhất trí ly hôn, anh đưa ra lý do vì chị C chưa trả cho anh tiền sinh lễ và các chi phí khác khi anh tổ chức cưới chị C về.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị C và anh X rất khó dung hòa tình cảm vợ chồng, gia đình và Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, đã đủ thấy rằng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị C được ly hôn với anh X là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Cả hai anh chị đều thừa nhận có 02 con chung. Cháu lớn tên là Sơn Văn T - Sinh ngày 25 tháng 01 năm 2010; cháu nhỏ tên là Sơn Thành Q - Sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012.

Tại phiên hòa giải chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu T, còn anh X nuôi cháu Q, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng

nuôi con chung. Anh X không nhất trí ly hôn, nên không đề nghị giải quyết về con chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hỏi ý kiến của cháu Sơn Văn T thì cháu có nguyện vọng xin được sống cùng với chị C, còn cháu Sơn Thành Q có nguyện vọng xin được sống cùng với anh X.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị C và anh X đều làm ruộng, nương, ngoài ra chị C còn đi làm thuê, có mức thu nhập ngang nhau. Cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi dạy con cái trưởng thành. Tuy nhiên, xét nguyện vọng của cháu T muốn sống cùng với chị C, cháu Q muốn sống cùng với anh X và chị C có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng cháu T, còn anh X nuôi cháu Q, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C, giao cho chị Lương Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Sơn Văn T, sinh ngày 25/01/2010, anh Sơn Văn X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Sơn Thành Q, sinh ngày 16/10/2012, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Lương Thị C và anh Sơn Văn X không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối việc anh Sơn Văn X yêu cầu chị Lương Thị C phải trả 80 triệu đồng tiền sính lễ và các khoản chi phí mà anh đã bỏ ra khi cưới chị C về. Trong quá trình giải quyết anh X không có yêu cầu phản tố và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét thấy việc anh X yêu cầu chị C phải trả tiền sính lễ và các khoản chi phí khi tổ chức cưới là không có căn cứ, nên không được chấp nhận. Nếu sau này anh có đủ tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lương Thị C phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị C và anh Sơn Văn X được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị C được ly hôn anh Sơn Văn X.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cho chị Lương Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Sơn Văn T, sinh ngày 25/01/2010, anh Sơn Văn X

trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Sơn Thành Q, sinh ngày 16/10/2012, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002504, ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Hà. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai ;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà;
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã Nậm Lúc;
- Lưu HS;THS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thọ